

Số: 08/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 235/2025/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trần Thị Bích N, sinh năm ...; căn cước công dân số: 00... do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày .../.../...; địa chỉ: thôn C, xã H, thành phố H1; tạm trú: thôn S, xã N1, tỉnh T;

- Anh Nguyễn Khắc C1, sinh năm ...; căn cước công dân số: 00... do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày .../.../...; địa chỉ: thôn C, xã H, thành phố H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang. Các thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hai anh chị Trần Thị Bích N và Nguyễn Khắc C1 nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai anh chị nhất trí thỏa thuận: Chị Trần Thị Bích N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H2 sinh ngày .../.../... cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Khắc C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N.

Anh Nguyễn Khắc C1 được quyền đi lại thăm nom con chung, chị Trần Thị Bích N không được ngăn cản.

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

[3] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

[4] Công nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Trần Thị Bích N tự nguyện chịu án phí cả lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Hai anh chị Trần Thị Bích N và Nguyễn Khắc C1 nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai anh chị nhất trí thỏa thuận: Chị Trần Thị Bích N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H2 sinh ngày .../.../... cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Khắc C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N.

Anh Nguyễn Khắc C1 được quyền đi lại thăm nom con chung, chị Trần Thị Bích N không được ngăn cản.

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

- Công nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Bích N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0001836 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã Hoài Đức, TP Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Yên